

Số: 29/25/NQ/SDY-HDQT

Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Sông Đà Yaly;
- Quyết định số 936 QĐ/BXD ngày 03/7/2003 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Xi măng Sông Đà – Tổng công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty số 28/BB/HĐQT ngày 06/10/2025;

**NGHỊ QUYẾT**

**THÔNG QUA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD QUÝ III/2025  
KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SXKD QUÝ IV/2025**

**Điều 1:** Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD quý III/2025 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

**Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

| TT  | Tên chỉ tiêu                             | ĐVT     | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện Quý III |           |             | Lũy kế thực hiện năm 2025 | % Thực hiện năm |
|-----|------------------------------------------|---------|-------------------|-------------------|-----------|-------------|---------------------------|-----------------|
|     |                                          |         |                   | Kế hoạch          | Thực hiện | % Thực hiện |                           |                 |
| (1) | (2)                                      | (3)     | (4)               | (5)               | (6)       | (7)=(6)/(5) | (8)                       | (9)=(8)/(4)     |
| I   | Các chỉ tiêu chính                       | Tr đồng | 53.179            | 9.288             | 6.473     | 70%         | 25.036                    | 47%             |
| 1   | Sản xuất xi măng                         | Tr đồng | 33.866            | 6.132             | 3.345     | 55%         | 15.056                    | 44%             |
| 2   | Tiêu thụ đá xây dựng                     | Tr đồng | -                 | -                 | -         |             | -                         |                 |
| 3   | Kinh doanh vận tải                       | Tr đồng | 19.198            | 2.930             | 2.830     | 97%         | 9.395                     | 49%             |
| 4   | Thu nhập khác                            | Tr đồng | 115               | 225               | 298       | 132%        | 584                       | 508%            |
| 5   | Nộp ngân sách và các khoản phải nộp khác | Tr đồng | 4.576             | 308               | 308       | 100%        | 1.348                     | 29%             |
| 6   | Lợi nhuận                                |         |                   | -                 | -         |             |                           |                 |
| -   | LN trước thuế                            | Tr đồng | (2.658)           | (558)             | (1.286)   |             | (2.823)                   |                 |
| -   | LN sau thuế                              | Tr đồng | (2.658)           | (558)             | (1.286)   |             | (2.823)                   |                 |
| II  | Khối lượng chủ yếu                       |         |                   | -                 | -         |             |                           |                 |
| 1   | Xuất XM Sông Gianh                       | Tấn     | 99.600            | 18.000            | 9.803     | 54%         | 44.076                    | 44%             |
| 2   | Xuất bán đá xây dựng                     | m3      |                   | -                 | -         |             |                           |                 |
| 3   | Vận chuyển                               | Tấn     | 75.000            | 11.400            | 11.101    | 97%         | 36.662                    | 49%             |

**Điều 2. Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ SXKD quý IV/2025 với các chỉ tiêu chính như sau:**

| TT  | Tên chỉ tiêu                             | ĐVT     | Kế hoạch năm 2025 | Kế hoạch quý I,II,III | Kế hoạch quý IV | Lũy kế kế hoạch năm 2025 | % Lũy kế năm 2025 |
|-----|------------------------------------------|---------|-------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|
| (1) | (2)                                      | (3)     | (4)               | (5)                   | (5)             | (7)=(5)+(6)              | (8)=(7)/(4)       |
| 1   | Các chỉ tiêu chính                       | Tr đồng | 53.179            | 27.851                | 5.471           | 33.322                   | 63%               |
| 1   | Sản xuất xi măng                         | Tr đồng | 33.866            | 17.843                | 4.428           | 22.271                   | 66%               |
| 2   | Tiêu thụ đá xây dựng                     | Tr đồng | -                 | -                     | -               | -                        |                   |
| 3   | Kinh doanh vận tải                       | Tr đồng | 19.198            | 9.495                 | 1.028           | 10.523                   | 55%               |
| 4   | Thu nhập khác                            | Tr đồng | 115               | 511                   | 15              | 526                      | 457%              |
| 5   | Nộp ngân sách và các khoản phải nộp khác | Tr đồng | 4.576             | 1.348                 | 736             | 2.084                    | 46%               |
| 6   | Lợi nhuận                                |         |                   |                       | -               |                          |                   |
| -   | LN trước thuế                            | Tr đồng | (2.658)           | (2.095)               | (1.030)         | (3.125)                  |                   |
| -   | LN sau thuế                              | Tr đồng | (2.658)           | (2.095)               | (1.030)         | (3.125)                  |                   |
| II  | Khối lượng chủ yếu                       |         |                   |                       | -               |                          |                   |
| 1   | Xuất XM Sông Gianh                       | Tấn     | 99.600            | 52.273                | 13.000          | 65.273                   | 66%               |
| 2   | Xuất bán đá xây dựng                     | m3      |                   | -                     | -               | -                        |                   |
| 3   | Vận chuyển                               | Tấn     | 75.000            | 36.961                | 4.000           | 40.961                   | 55%               |

**Điều 3. HĐQT nhất trí giao cho Tổng giám đốc Công ty:**

+ Lên kế hoạch chi tiết sửa chữa và bổ sung bi máy nghiền dây chuyền 2 để đảm bảo công tác sản xuất được diễn ra liên tục.

+ Chuẩn bị công tác tiếp đón, làm việc với các đối tác về kế hoạch gia công xi măng tại dây chuyền 2.

+ Phối hợp cùng đoàn kiểm tra Thuế đến Công ty làm việc kiểm tra thuế giai đoạn 2023-2024.

+ Thực hiện các giải pháp nhằm tối ưu nhân lực và chi phí nghiền.

+ Thực hiện các công việc liên quan đến chứng nhận các sản phẩm xi măng mới.

+ Tham gia dự phiên tòa hoà giải với Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam về những việc tồn đọng trước tháng 02/2015.

+ Điều chỉnh số liệu tài chính sau thanh tra thuế năm 2023-2024.

+ Thử nghiệm các cấp phối mới phù hợp để nghiền sản phẩm xi măng mới.

+ Trao đổi với SCG về kế hoạch gia công xi măng năm 2026.

+ Rà soát lại chi phí giá thành sản xuất xi măng với đơn giá gia công phù hợp đối tác mới để có phương án tốt cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

+ Trình ban lãnh đạo xem xét phê duyệt phương án tăng mức đóng BHXH cho toàn thể CBCNV.

+ Tiếp tục tập trung công tác đối chiếu công nợ với các Công ty thuộc TCT Sông Đà và bám sát công tác thu vốn tại công trường để tiến hành thu từ Chủ đầu tư, các đơn vị tham gia thi công tại CTTĐ Xekaman 1, Xekaman 3.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện:**

Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc Công ty căn cứ các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

#### **Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu Phòng KTTH

**CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN XI  
MĂNG  
SÔNG  
ĐÀ YALY**

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG  
ĐÀ YALY  
DN: C=VN, S=Gia Lai, L=  
Huyện Chư Păh, O=CÔNG  
TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
SÔNG ĐÀ YALY, CN=CÔNG  
TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
SÔNG ĐÀ YALY,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1  
.1=MST:5900305243  
Reason: I am the author of  
this document  
Location:  
Date: 2026.10.14  
16:21:03  
+07'00'  
Foxit PDF Reader Version:  
2024.4.0

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Len**

